

Cam thảo, đun hồi lưu trên cách thủy trong 1 h, lọc, bốc hơi dịch lọc đến khô, hòa tan căn trong 2 ml *methanol* (TT).
Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 μ l của mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch *acid sulfuric* 10 % trong *ethanol* (TT), sấy ở 105 °C. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết phát huỳnh quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

B. Định tính Can khương

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi khai triển: *Ethyl acetat - acid acetic băng - acid formic - nước* (15 : 1 : 1 : 2), lắc đều, để tách lớp, lấy lớp trên.

Dung dịch thử: Dùng dung dịch thử ở phần định tính Cam thảo.
Dung dịch đối chiếu: Lấy 4 g Can khương (mẫu chuẩn), thêm 30 ml nước, đun hồi lưu trên cách thủy 1 h, để nguội, lọc. Lắc dịch lọc với 40 ml *n-butanol*, gạn lấy lớp *n-butanol*, cô thu hồi dung môi đến khô. Hòa tan căn trong 2 ml *methanol* (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 μ l mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí, phun dung dịch *vanilin* 1 % trong *acid sulfuric* (TT), sấy ở 105 °C đến hiện rõ vết. Quan sát dưới đèn tử ngoại bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết phát huỳnh quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

hữ giới hạn aconitin và hypacotin

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Cloroform - ethyl acetat - amoniac* (5 : 5 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 70 ml chế phẩm, điều chỉnh đến pH 10 bằng *amoniac đậm đặc* (TT). Chiết 3 lần, mỗi lần với 100 ml *ether* (TT). Gộp dịch chiết *ether* và thu hồi *ether* đến cạn khô, hòa tan căn trong 2 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Hòa tan aconitin chuẩn và hypacotin chuẩn trong *ethanol* (TT) để được dung dịch có nồng độ mỗi chất chuẩn là 2 mg/ml.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 6 μ l mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô ngoài không khí, phun thuốc thử *Dragendorff* (TT). Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ dung dịch thử phải không xuất hiện vết tương đương về vị trí với các vết aconitin và hypacotin trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu hoặc nếu xuất hiện vết thì vết phải có kích thước nhỏ hơn và không đậm màu hơn so với các vết thu được trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Tỷ trọng

Ở 20 °C: Từ 1,07 đến 1,09 (Phụ lục 6.5, phương pháp dùng tỷ trọng kế).

Độc tính bất thường

Đạt yêu cầu theo phương pháp thử độc tính bất thường (Phụ lục 13.5), cho chuột uống với liều 1 ml/chuột.

Bảo quản

Trong lọ nút kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Hồi dương cứu nghịch. Chủ trị: Hư thoát do vong dương với các biểu hiện toát mồ hôi lạnh, chân tay quyết lạnh, tiêu chảy sống phân, nôn mửa, bụng đau, mạch vi muốn tuyệt (mạch rất nhỏ, yếu, khó nhận thấy).

Cách dùng, liều lượng

Uống mỗi lần 10 ml đến 20 ml, ngày 3 lần hoặc theo chỉ dẫn của thầy thuốc.

CAO TANG CÚC ẨM

Công thức

Tang diệp (<i>Mori albae Folium</i>)	200 g
Cúc hoa vàng (<i>Chrysanthemi indicis Flos</i>)	80 g
Liên kiều (<i>Forsythiae suspensae Fructus</i>)	120 g
Bạc hà (<i>Menthae Herba</i>)	60 g
Cam thảo (<i>Glycyrrhizae Radix et Rhizoma</i>)	60 g
Khổ hạnh nhân (<i>Armeniacae Semen Amarum</i>)	160 g
Cát cánh (<i>Platycodonis grandiflori Radix</i>)	160 g
Lô căn (<i>Phragmitis Rhizoma</i>)	160 g
Nước vừa đủ (<i>Aqua q.s</i>)	1000 ml

Bào chế

Khổ hạnh nhân giã giập, ép bỏ bớt dầu cho cùng với Bạc hà cất riêng theo phương pháp cất kéo hơi nước và để riêng nước cất Bạc hà - Hạnh nhân. Bã Hạnh nhân, Bạc hà và các dược liệu còn lại được sắc với nước hai lần, mỗi lần 2 h đến 3 h, để nguội, lọc lấy các dịch chiết. Gộp và cô các dịch lọc còn khoảng 400 ml. Để nguội, thêm khoảng 1000 ml *ethanol* 96 %, khuấy đều, để lắng 24 h, lọc và cô đặc ở áp suất giảm tới cao đặc. Phối hợp với nước cất Bạc hà - Hạnh nhân, thêm chất bảo quản, thêm nước vừa đủ 1000 ml. Đóng chai.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Cao thuốc” (Phụ lục 1.1) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Chất lỏng màu nâu đen, mùi thơm, vị hơi ngọt đắng nhẹ.

Tỷ trọng

Ở 20 °C: Từ 1,03 đến 1,05 (Phụ lục 6.5, phương pháp dùng tỷ trọng kế).

Định lượng amygdalin

Lấy chính xác 100 ml chế phẩm cho vào bình cầu dung tích 250 ml. Lắp vào dụng cụ sinh hàn để cất thu hồi chất bay hơi. Cất lấy khoảng 10 ml dịch cất (đong chính xác) cho vào bình nón dung tích 100 ml, thêm 2 ml dung dịch *kali iodid* (TT). Chuẩn độ bằng dung dịch *bạc nitrat* 0,1 N (CĐ) cho đến khi có màu trắng đục hơi

vàng. Song song làm mẫu trắng. 1 ml dung dịch bạc nitrat 0,1 N (C'D) tương đương với 91,48 mg amygdalin.

Chế phẩm phải chứa hàm lượng amygdalin từ 0,65 % đến 0,79 %.

Bảo quản

Trong đồ đựng nút kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Sơ phong thanh nhiệt, tuyên phế chi khái. Chủ trị: Thái âm phế tỷ phong ôn, ho, cảm cúm, viêm phế quản, viêm đường hô hấp trên, miệng ho khan.

Cách dùng, liều lượng

Người lớn ngày uống 2 lần mỗi lần 25 ml.

Trẻ em tùy theo tuổi.

ĐỘC HOẠT KÝ SINH THANG

Thuốc sắc Độc hoạt ký sinh

Công thức

Độc hoạt (<i>Angelicae pubescentis Radix</i>)	12 g
Quế chi (<i>Cinnamomi Ramulus</i>)	8 g
Phòng phong (<i>Saposhnikovia divaricatae Radix</i>)	8 g
Đương quy (<i>Angelicae sinensis Radix</i>)	8 g
Tế tân (<i>Asari Radix et Rhizoma</i>)	8 g
Xuyên khung (<i>Ligustici wallichii Rhizoma</i>)	8 g
Tần giao (<i>Gentianae macrophyllae Radix</i>)	8 g
Bạch thược (<i>Paeoniae Radix Alba</i>)	8 g
Tang ký sinh (<i>Loranthi paracitici Herba</i>)	8 g
Thục địa (<i>Rehmanniae glutinosae Radix Praeparata</i>)	8 g
Đỗ trọng chích muối (<i>Eucommiae Cortex Praeparatus</i>)	8 g
Nhân sâm (<i>Ginseng Rhizoma et Radix</i>)	8 g
Ngưu tất (<i>Achysanthis bidentatae Radix</i>)	8 g
Phục linh (<i>Poria</i>)	8 g
Cam thảo (<i>Glycyrrhizae Radix et Rhizoma</i>)	8 g

Bào chế

Các vị thuốc được chế và thái phiến, làm khô theo chuyên luận riêng.

Chế phẩm phải đáp ứng yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc thang” (Phụ lục 1.23) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Các vị thuốc trong thang phải khô, sạch, có mùi thơm. Thang thuốc có mùi đặc trưng của Độc hoạt.

Định tính

Thang thuốc phải có đủ và đúng các vị thuốc theo công thức.

Tạp chất

Không được có (Phụ lục 12.11).

Độ ẩm

Lấy 3 vị dược liệu bất kỳ trong thang thuốc, xác định độ ẩm theo Phụ lục 12.13 (đối với dược liệu chứa tinh dầu) hoặc theo Phụ lục 9.6 (đối với dược liệu khác). Các vị thuốc phải đạt yêu cầu về độ ẩm qui định ở từng chuyên luận.

Đồng đều khối lượng

Đối với từng vị thuốc: Khối lượng trên nhãn $\pm 10\%$ (đối với vị có khối lượng ≤ 10 g) hoặc $\pm 7,5\%$ (đối với vị có khối lượng > 10 g).

Đối với thang thuốc: Khối lượng trên nhãn $\pm 7,5\%$. Lấy 5 thang thuốc để thử.

Bảo quản

Nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Ích can thận, bổ khí huyết, khu phong tán hàn trừ thấp, thông kinh hoạt lạc. Chủ trị: Can, thận đều hư, phong hàn thấp gây đau nhức mỏi, thắt lưng, đầu gối, các chi dưới co duỗi khó khăn, cảm giác nặng nề.

Cách dùng, liều lượng

Thuốc sắc, ngày uống 1 thang, uống trước bữa ăn.

HOÀN AN THAI

Công thức

Cao ban long (<i>Cervi Cornus Colla</i>)	16 g
Sa nhân (<i>Amomi Fructus</i>)	20 g
Hoài sơn (<i>Dioscoreae persimilis Tuber</i>)	120 g
Thục địa (<i>Rehmanniae glutinosae Radix Praeparata</i>)	80 g
Trữ ma căn (<i>Boehmeriae niveae Radix</i>)	80 g
Tô ngạnh (<i>Perillae frutescentis Caulis</i>)	12 g
Hương phụ (<i>Cyperi Rhizoma</i>)	20 g
Tục đoạn (<i>Dipsaci Radix</i>)	42 g
Ngải cứu (<i>Artemisiae vulgaris Herba</i>)	80 g
Trần bì (<i>Citri reticulatae Pericarpium Perenne</i>)	20 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	1000 g

Điều chế

Ngải cứu: Loại bỏ tạp chất, rửa sạch, thái ngắn, phơi khô. Tục đoạn: Loại bỏ tạp chất, rửa sạch, thái lát dày 2 mm đến 5 mm, phơi hoặc sấy nhẹ, tẩm với rượu đủ ẩm đều (khoảng 10 %), ủ cho thấm rồi sao vàng xém cạnh.

Hoài sơn, Trữ ma căn, Hương phụ: Chế theo chuyên luận riêng.

Sa nhân, Tô ngạnh, Trần bì: Loại tạp và vi sao.

Các vị thuốc được sấy khô ở nhiệt độ dưới 70 °C, tán bột và trộn đều qua rây số 180.

Thục địa nấu thành cao mềm có hàm ẩm 30 %. Rồi hòa nóng Cao ban long trong cao thục địa. Mật ong cô luyện. Cứ 100 g bột dùng 90 g đến 120 g cao Thục địa - Cao Ban long và Mật ong.

Tất cả được trộn nóng tạo thành khối bột dẻo rồi chia thành viên 9 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc hoàn” Phụ lục 1.11 và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn mềm hình cầu nhuận dẻo, màu nâu đen bóng, đường kính 20 mm đến 22 mm, vị ngọt đắng nhẹ, thơm mùi Ngải cứu và Hương phụ.